

SỞ Y TẾ TP.HCM
PHÒNG KHÁM RHM
UP DENTAL
Số: 04./QĐ-UP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----



TP.HCM, ngày 01 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

*Về Công khai danh mục kỹ thuật được phê duyệt của
Phòng khám Răng hàm mặt Up Dental*

GIÁM ĐỐC PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT THUỘC CÔNG TY CỔ PHẦN UP DENTAL

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-SYT ngày 18/12/2015 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt Phạm vi hoạt động chuyên môn đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-SYT ngày 08/01/2018 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt thuộc Công ty Cổ phần Up Dental do Bà Thiều Thị Ngọc Anh chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1024/ QĐ-SYT ngày 01/11/2021 của Giám đốc Sở Y tế về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám chuyên khoa Răng hàm mặt thuộc Công ty Cổ phần Up Dental;

Căn cứ Quyết định số 1771/ QĐ-SYT ngày 17/12/2019 của Giám đốc Sở Y tế về việc cho phép triển khai áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt thuộc Công ty Cổ phần Up Dental do bà Thiều Thị Ngọc Anh chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 729/ QĐ-SYT ngày 28/05/2021 của Giám đốc Sở Y tế về việc cho phép triển khai áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt thuộc Công ty Cổ phần Up Dental do bà Thiều Thị Ngọc Anh chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1025/ QĐ-SYT ngày 01/11/2021 của Giám đốc Sở Y tế về việc cho phép triển khai áp dụng thí điểm kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Phòng khám chuyên khoa Răng Hàm Mặt thuộc Công ty Cổ phần Up Dental do bà Thiều Thị Ngọc Anh chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Răng hàm mặt Up Dental (danh mục đính kèm).

Tổng số kỹ thuật Phòng khám được phê duyệt : 104 kỹ thuật, trong đó:

- Tổng số kỹ thuật đủ điều kiện thực hiện tại Phòng khám : 51 kỹ thuật.
- Tổng số kỹ thuật được triển khai áp dụng thí điểm : 53 kỹ thuật.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ông (Bà) Quản lý, Trưởng các bộ phận, đội ngũ Bác sĩ và toàn thể cán bộ nhân viên, người lao động của Phòng khám, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, PHCNS.



GIÁM ĐỐC

TRẦN QUỐC VƯƠNG

DANH MỤC KỸ THUẬT RĂNG HÀM MẶT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN TẠI PHÒNG KHÁM UP DENTAL.

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT
1	3	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo để cấy ghép Implant
2	6	Phẫu thuật cấy ghép Implant
3	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
4	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
5	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp
6	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn
7	41	Điều trị viêm quanh răng
8	42	Chích áp xe lợi
9	43	Lấy cao răng
10	50	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
11	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
12	57	Chụp tuỷ bằng Hydroxit canxi
13	61	Điều trị tủy lại
14	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
15	68	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
16	70	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement
17	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement
18	72	Phục hồi cổ răng bằng Composite
19	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa
20	107	Chụp hợp kim thường cần sứ
21	108	Chụp hợp kim Titanium cần sứ
22	109	Chụp sứ toàn phần
23	111	Chụp sứ Cercon
24	115	Cầu kim loại cần sứ
25	116	Cầu hợp kim Titanium cần sứ
26	118	Cầu sứ toàn phần
27	119	Cầu sứ Cercon
28	120	Chốt cùi đúc kim loại
29	121	Cùi đúc Titanium
30	137	Tháo cầu răng giả
31	138	Tháo chụp răng giả
32	154	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ cố định
33	183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT
34	186	Nắn chỉnh răng bằng hàm tháo lắp
35	189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi
36	190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
37	191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay
38	192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng
39	193	Gắn band
40	195	Máng nâng khớp cắn
41	196	Mài chỉnh khớp cắn
42	203	Nhổ răng vĩnh viễn
43	204	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
44	205	Nhổ chân răng vĩnh viễn
45	213	Cắt lợi xơ cho răng mọc
46	214	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
47	222	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp
48	224	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
49	226	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement
50	227	Hàn răng không sang chân với GlassIonomer Cement
51	229	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor

**DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỦ ĐIỀU
KIẾN TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM TẠI PHÒNG KHÁM UP DENTAL.**

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT
1	5	Phẫu thuật đặt xương nhân tạo và màng sinh học quanh Implant
2	14	Máng hướng dẫn phẫu thuật cấy ghép Implant
3	76	Phục hồi thân răng bằng Inlay/Onlay
4	77	Phục hồi thân răng có sử dụng chốt chân răng bằng các vật liệu khác nhau
5	85	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng ốc vít trên Implant
6	86	Chụp sứ Titanium gắn bằng ốc vít trên Implant
7	88	Chụp sứ toàn phần gắn bằng ốc vít trên Implant
8	89	Chụp sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
9	90	Chụp sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
10	92	Chụp sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
11	98	Cầu sứ kim loại thường gắn bằng cement trên Implant
12	99	Cầu sứ Titanium gắn bằng cement trên Implant
13	101	Cầu sứ toàn phần gắn bằng cement trên Implant
14	110	Chụp kim loại quý cần sứ
15	122	Cùi đúc kim loại quý
16	123	Inlay/Onlay kim loại
17	124	Inlay/Onlay hợp kim Titanium
18	125	Inlay/Onlay kim loại quý
19	126	Inlay/Onlay sứ toàn phần
20	127	Veneer Composite gián tiếp
21	128	Veneer sứ toàn phần
22	133	Hàm khung kim loại
23	134	Hàm khung Titanium
24	143	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút môi
25	144	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi
26	145	Sử dụng khí cụ cố định điều trị thói quen xấu mút ngón tay
27	146	Lấy lại khoảng bằng khí cụ cố định
28	147	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định nong nhanh
29	148	Nong rộng hàm bằng khí cụ cố định Quad-Helix
30	155	Sử dụng khí cụ cố định Nance làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
31	156	Sử dụng cung ngang khẩu cái (TPA) làm neo chặn trong điều trị nắn chỉnh răng
32	157	Nắn chỉnh răng có sử dụng neo chặn bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
33	158	Nắn chỉnh răng sử dụng neo chặn bằng Microimplant
34	159	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ cố định

STT	TT 43/2013	DANH MỤC KỸ THUẬT
35	162	Giữ khoảng răng bằng khí cụ cố định cung ngang vòm khẩu cái (TPA)
36	163	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định Nance
37	164	Giữ khoảng bằng khí cụ cố định cung lưỡi (LA)
38	169	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn hóa trùng hợp
39	170	Dán mắc cài trực tiếp sử dụng chất gắn quang trùng hợp
40	172	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
41	173	Sử dụng mắc cài tự buộc trong nắn chỉnh răng
42	174	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung bẻ Loop L hoặc dây cung đảo ngược
43	175	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng dây cung tiện ích (Utility Archwire) và cung phụ làm lún răng cửa
44	177	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
45	178	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
46	180	Đóng khoảng bằng khí cụ tháo lắp
47	181	Nong rộng hàm bằng khí cụ tháo lắp
48	182	Nắn chỉnh mất cân xứng hàm chiều trước sau bằng khí cụ tháo lắp
49	184	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
50	185	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
51	187	Làm lún các răng cửa hàm dưới sử dụng khí cụ tháo lắp tấm cắn (Bite plate) hoặc mặt phẳng cắn phía trước (Anterior plane)
52	188	Đóng khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
53	206	Nhổ răng thừa